

Số: /QĐ-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả thực hiện Đề án “Kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Đăk Lăk, giai đoạn 2021-2025” (phía Tây tỉnh)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025; Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước và thẩm định, nghiệm thu kết quả hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 1557/QĐ-BTNMT ngày 13/6/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc phê duyệt Đề cương và dự toán Đề án “Kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Đăk Lăk, giai đoạn 2021-2025”;

Căn cứ Công văn số 2369/UBND-NNMT ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh về gia hạn thời gian thực hiện Đề án “Kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025”;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 763/TTr-SNNMT ngày 12/8/2026 và Công văn số 9538/SNNMT-CCTLPCTT ngày 07/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả Đề án “Kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025” (phía Tây tỉnh) với các nội dung chính sau:

1. Chỉ tiêu kiểm kê tài nguyên nước

a) Số lượng nguồn nước mặt nội tỉnh là 938 nguồn nước gồm: 161 sông, suối nội tỉnh và 777 hồ, ao.

b) Chất lượng nước mặt nội tỉnh: Tổng số điểm phân tích 129 điểm.

c) Khai thác, sử dụng nước mặt nội tỉnh: Số lượng công trình 531 công trình.

d) Xả nước thải vào nguồn nước nội tỉnh: 109 công trình.

(Có Phụ lục 01 chi tiết kèm theo)

2. Kiểm kê số lượng nguồn nước mặt nội tỉnh:

a) Kiểm kê được số lượng nguồn nước mặt nội tỉnh là các sông, suối gồm: 161 sông, suối nội tỉnh;

b) Kiểm kê được số lượng nguồn nước mặt là các ao, hồ gồm 777 ao, hồ.

(Có Phụ lục 02 chi tiết kèm theo)

3. Kiểm kê chất lượng nguồn nước mặt trên các nguồn nước nội tỉnh:

Tổng số điểm đánh giá chất lượng nguồn nước mặt trên các nguồn nước nội tỉnh theo chỉ số WQI là: 129 điểm; trong đó: Rất tốt (giá trị WQI từ 91 đến 100): 80 điểm; Tốt (giá trị WQI từ 76 đến 90): 39 điểm; Trung bình (giá trị WQI từ 51 đến 75): 9 điểm; Kém (giá trị WQI từ 26 đến 50): 1 điểm.

(Có Phụ lục 03 chi tiết kèm theo).

4. Kiểm kê khai thác, sử dụng nước mặt trên các nguồn nước nội tỉnh:

Kiểm kê được 531 công trình khai thác, sử dụng nước mặt (hồ chứa, đập dâng có dung tích toàn bộ $\geq 0,01$ triệu m³; công trình khai thác, sử dụng nước

mặt khác cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với quy mô $> 0,1 \text{ m}^3/\text{s}$; khai thác nước mặt cho kinh doanh, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp $> 100 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm và phát điện với công suất $> 50\text{kW}$) trên các nguồn nước nội tỉnh, trong đó:

a) 07 công trình khai thác nước mặt phục vụ để phát điện với công suất phát điện là 35.790 kW;

b) 497 công trình khai thác nước mặt phục vụ cho cấp nước nông nghiệp với tổng lưu lượng $415,87 \text{ m}^3/\text{s}$; trong đó có: 435 công trình hồ chứa với tổng lưu lượng khai thác $371,49 \text{ m}^3/\text{s}$; 38 công trình đập dâng với tổng lưu lượng khai thác $23,66 \text{ m}^3/\text{s}$ và 24 công trình trạm bơm với tổng lưu lượng khai thác $20,72 \text{ m}^3/\text{s}$. Ngoài phục vụ nông nghiệp, hồ chứa nước Krông Pách Thượng, hồ Ea Rót còn phục vụ cấp nước sinh hoạt với tổng lưu lượng khai thác $14.402 \text{ m}^3/\text{ngày}$ và hồ chứa Ea Nhái phục vụ cấp nước sản xuất công nghiệp với tổng lưu lượng khai thác $400 \text{ m}^3/\text{ngày}$;

c) 06 công trình khai thác nước mặt cho sản xuất công nghiệp với tổng lưu lượng là $14.243 \text{ m}^3/\text{ngày}$;

d) 21 công trình khai thác nước mặt phục vụ cấp nước sinh hoạt với tổng lưu lượng là $23.330 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

(Có Phụ lục 04 chi tiết kèm theo).

5. Kiểm kê xả nước thải vào nguồn nước trên các nguồn nước nội tỉnh:

Kiểm kê được 109 điểm xả thải vào các nguồn nước nội tỉnh có lưu lượng $\geq 5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm với tổng lưu lượng $47.726,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm; trong đó: Sinh hoạt: 19 điểm với tổng lưu lượng xả thải $11.357,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm; Công nghiệp: 28 điểm với tổng lưu lượng xả thải $31.256 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm; Chăn nuôi: 35 điểm với tổng lưu lượng xả thải $2.386 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm; Y tế: 27 điểm với tổng lưu lượng xả thải $2.727 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm.

(Có Phụ lục 05 chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về tính chính xác, đầy đủ của nội dung, số liệu và hồ sơ kết quả thực hiện Đề án được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

b) Gửi kết quả Kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025 (phía Tây tỉnh) về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, công bố theo quy định.

c) Cập nhật kết quả Kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025 (phía Tây tỉnh) vào phần mềm quản lý, khai thác dữ liệu kiểm kê tài nguyên nước do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cung cấp.

d) Định kỳ 05 năm một lần, Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tham mưu tổ chức các hoạt động kiểm kê tài nguyên nước cho phù hợp với tình hình thực tế và theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đảm bảo quy định của pháp luật.

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện các kỳ kiểm kê tài nguyên nước tiếp theo theo quy định và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường có trách nhiệm chỉ đạo việc công khai và cung cấp kết quả kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Đắk Lắk cho các tổ chức, cá nhân để sử dụng thống nhất theo quy định; thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh theo quy định

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch UBND các xã, phường (phía Tây tỉnh) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: CT, XD, YT, KHCN;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- TT Công nghệ và Cổng TTĐT tỉnh;
- Đài khí tượng thủy văn tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (Nhat-2b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn